TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 70/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trịnh Văn B - sinh năm: 1993; số CCCD: 038093035333;

- Chị Ngô Thị Thanh H - sinh năm: 1996; số CCCD: 038196005528;

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn B và chị Ngô Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có sự đồng cảm, sẻ chia, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay, anh B và chị H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên các đương sự cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận anh B và chị H thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Các đương sự thống nhất có 03 (ba) con chung là: Trịnh Thành P - sinh ngày: 16/4/2013; Trịnh Cát Vy A - sinh ngày: 25/02/2017 và Trịnh Hoàng Minh K - sinh ngày: 29/12/2021.

Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Trịnh Thành P và cháu Trịnh Hoàng Minh K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Cát Vy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu A); không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy, việc thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn của các đương sự phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3]. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự thỏa thuận, anh B chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn B và chị Ngô Thị Thanh H.

- Về con chung:

Các đương sự có 03 (ba) con chung là: Trịnh Thành P - sinh ngày: 16/4/2013; Trịnh Cát Vy A - sinh ngày: 25/02/2017 và Trịnh Hoàng Minh K - sinh ngày: 29/12/2021.

Giao cháu Trịnh Thành P và cháu Trịnh Hoàng Minh K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Cát Vy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B, chị H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh B, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh Trịnh Văn B chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số

0002548 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hóa; anh B đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 3 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Cao Cường